

THÔNG BÁO

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ VIII LỚP ĐẠI HỌC K1B HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH LUẬT

Địa điểm mở lớp: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cao Bằng

Khóa học: 2013 - 2018

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật tục vùng DTTS ảnh hưởng đến điều chỉnh XH trong GD XDNNPQ						Luật Hôn nhân và gia đình						Luật Tài chính						Luật Môi trường					
						TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
						2						2						3						2					
1	LCB1B.01	Tào Văn Lương	13.02.1982	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
2	LCB1B.02	Nguyễn Thị Cẩm Ly	18.08.1986	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
3	LCB1B.03	Đàm Phùng Mạnh	27.06.1984	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
4	LCB1B.04	Long Văn Minh	16.06.1980	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	6.5	7.0	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
5	LCB1B.05	Hoàng Chấn Minh	10.03.1988	Nam	Cao Bằng	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
6	LCB1B.06	Lý Thị Mùi	17.05.1985	Nữ	Cao Bằng	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
7	LCB1B.07	Nông Phương Nam	03.07.1981	Nam	Cao Bằng	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
8	LCB1B.08	Hứa Tuấn	20.12.1982	Nam	Cao Bằng	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
9	LCB1B.09	Chu Đức Nghị	20.02.1989	Nam	Cao Bằng	2	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
10	LCB1B.10	Triệu Trung Nghĩa	30.10.1976	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
11	LCB1B.11	Nông Trung Nghĩa	11.10.1988	Nam	Cao Bằng	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
12	LCB1B.12	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01.07.1983	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B
13	LCB1B.13	Nông Thân Ngr	06.06.1990	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
14	LCB1B.14	Nguyễn Trung Nguyên	12.11.1979	Nam	Cao Bằng	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
15	LCB1B.16	Hoàng Văn Nhất	03.07.1984	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.0	9.0	8.4	3	B
16	LCB1B.17	Lý Thị Nhung	27.12.1985	Nữ	Cao Bằng	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	6.0	0.0	1.8	0	F	0	6.5	0.0	2.0	0	F
17	LCB1B.19	Hoàng Văn Quốc	02.08.1983	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	6.0	8.0	7.4	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A
18	LCB1B.20	Đặng Văn Quyết	14.02.1987	Nam	Cao Bằng	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	8.0	7.7	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
19	LCB1B.21	Nhan Văn Quỳnh	06.02.1983	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.0	7.5	7.4	3	B
20	LCB1B.22	Nông Thị Riêm	22.08.1983	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	6.5	8.5	7.9	3	B
21	LCB1B.23	Lăng Hùng Sơn	21.01.1976	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
22	LCB1B.24	Thào A Sóng	26.01.1988	Nam	Cao Bằng	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật tục vùng DTTS ảnh hưởng đến điều chỉnh XH trong GD XDNNPQ						Luật Hôn nhân và gia đình						Luật Tài chính						Luật Môi trường					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
							2						2						3						2					
23	LCB1B.25	Nông Văn	Sương	10.07.1981	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
24	LCB1B.26	Đình Văn	Tài	06.02.1990	Nam	Cao Bằng	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	6.5	7.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B
25	LCB1B.27	Lãnh Văn	Tâm	29.10.1982	Nam	Cao Bằng	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	6.5	7.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
26	LCB1B.28	Đoàn Lục Thanh	Tâm	01.09.1976	Nữ	Cao Bằng	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.5	9.5	9.5	4	A
27	LCB1B.29	Nông Quốc	Thái	10.03.1992	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	7.0	6.5	6.7	2	C	2	7.5	8.5	8.2	3	B
28	LCB1B.30	Triệu Văn	Thắng	27.09.1980	Nam	Cao Bằng	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
29	LCB1B.31	Trương Hồng	Thắng	27.01.1985	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.5	9.2	4	A
30	LCB1B.32	Lê Văn	Thanh	26.06.1981	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
31	LCB1B.33	Nông Tiến	Thành	15.11.1984	Nam	Cao Bằng	2	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B
32	LCB1B.34	Nông Thị	Thào	23.01.1984	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
33	LCB1B.35	Nông Thị	Thào	06.08.1985	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
34	LCB1B.36	Hoàng Văn	Thiệt	15.10.1986	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B
35	LCB1B.37	Hoàng Văn	Thịnh	15.10.1994	Nam	Cao Bằng	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	6.0	0.0	1.8	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
36	LCB1B.38	Nguyễn Văn	Thọ	06.06.1984	Nam	Cao Bằng	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B
37	LCB1B.39	Mã Thị	Thoan	05.04.1986	Nữ	Cao Bằng	2	7.0	7.5	7.4	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
38	LCB1B.40	Hoàng Thị	Thời	15.08.1979	Nữ	Cao Bằng	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B
39	LCB1B.41	Hà Thị	Thu	01.07.1980	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
40	LCB1B.42	Hoàng Văn	Thụ	19.05.1981	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
41	LCB1B.43	Hoàng Văn	Thuận	09.06.1978	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
42	LCB1B.44	Bảng Văn	Thuận	17.02.1983	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
43	LCB1B.45	Trịnh Hữu	Thuần	03.06.1972	Nam	Cao Bằng	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
44	LCB1B.46	Phạm Thị	Thức	18.10.1981	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
45	LCB1B.47	Hà Văn	Thức	04.04.1981	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B
46	LCB1B.48	Hứa Thị	Thuy	05.12.1983	Nữ	Cao Bằng	2	7.0	8.0	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B
47	LCB1B.49	Nguyễn Thị	Thuy	17.04.1984	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B
48	LCB1B.50	Chu Văn	Thuyền	23.08.1984	Nam	Cao Bằng	2	7.0	7.0	7.0	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B
49	LCB1B.51	Nông Văn	Tiến	27.07.1982	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Luật tục vùng DTTS ảnh hưởng đến điều chỉnh XH trong GD XDNNPQ						Luật Hôn nhân và gia đình						Luật Tài chính						Luật Môi trường					
							TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ	TC	TP	T	TB	QĐ	Đ
							2						2						3						2					
50	LCB1B.52	Nông Văn	Toan	11.07.1974	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	9.0	6.0	6.9	2	C	2	9.0	6.5	7.3	3	B
51	LCB1B.53	Nguyễn Thị	Trang	06.10.1988	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	7.5	8.0	7.9	3	B
52	LCB1B.54	Hứa Hồng	Trường	20.09.1977	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.0	8.7	4	A	2	8.5	9.0	8.9	4	A
53	LCB1B.55	Mã Văn	Tú	22.12.1991	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.5	7.0	7.5	3	B
54	LCB1B.56	Lý Triệu	Tuấn	12.01.1986	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	9.5	9.1	4	A	2	8.5	9.5	9.2	4	A
55	LCB1B.57	Bế Thị	Tươi	26.09.1987	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
56	LCB1B.58	Lộc Thị	Vân	19.01.1979	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
57	LCB1B.59	Vũ Hồng	Vân	01.11.1987	Nữ	Cao Bằng	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	9.5	9.5	9.5	4	A
58	LCB1B.60	Nông Viết	Vân	22.09.1971	Nam	Cao Bằng	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
59	LCB1B.61	Phùng Chí	Vân	14.05.1979	Nam	Cao Bằng	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
60	LCB1B.62	Nông Ngọc	Vinh	09.12.1994	Nam	Cao Bằng	2	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	7.0	7.6	3	B
61	LCB1B.64	Lưu Thành	Vinh	18.03.1974	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.5	8.4	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
62	LCB1B.65	Hoàng Công	Vinh	26.01.1993	Nam	Cao Bằng	2	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	7.5	7.8	3	B
63	LCB1B.66	Mã Văn	Vừ	03.08.1984	Nam	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B
64	LCB1B.67	Triệu Văn	Xin	03.11.1988	Nam	Cao Bằng	2	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
65	LCB1B.68	Bàn Thị	Xuân	07.10.1984	Nữ	Cao Bằng	2	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	7.5	8.0	3	B	3	9.0	7.0	7.6	3	B	2	8.0	7.5	7.7	3	B

Bảng quy đổi điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
8.5 đến 10	A	4	
7.0 đến 8.4	B	3	
5.5 đến 6.9	C	2	
4.0 đến 5.4	D	1	
0.0 đến 3.9	F	0	Những sinh viên có điểm học phần đạt điểm F là những sinh viên chưa qua học phần đó và phải học lại

Nơi nhận:

- Trung tâm GDTX tỉnh Cao Bằng;
- Các Phòng: CT-HSSV, KH-TC;
- Khoa Luật & QLXH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Trịnh Thanh Hải